



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN NỔI HƠI VIỆT NAM



HÀ NỘI - VIỆT NAM

I U L
CÔNG TY C PH N N I H I VI T NAM

Hà N i, tháng 05 n m 2016

M C L C
I U L C ÔNG TY C PH N N I H I VI T NAM

| | |
|--|----|
| Ch ng I: NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L | 04 |
| i u 1: nh ngh a | 05 |
| Ch ng II: TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY | 05 |
| i u 2: Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a công ty | 05 |
| Ch ng III: M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY | 06 |
| i u 3: M c tiêu ho t ng c a công ty | 06 |
| i u 4: Ph m vi kinh doanh và ho t ng..... | 08 |
| Ch ng IV: V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P | 09 |
| i u 5: V n i ul , c ph n, c ông sáng l p..... | 09 |
| i u 6: Ch ng ch c phi u | 10 |
| i u 7: Ch ng ch ch ng khoán khác | 11 |
| i u 8: Chuy n nh ng c ph n | 11 |
| i u 9: Thu h ic ph n | 13 |
| Ch ng V: C C UT CH C, QU N LÝ VÀ KI M SOÁT | 13 |
| i u 10: C c ut ch c qu n lý..... | 13 |
| Ch ng VI: C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG | 14 |
| i u 11: Quy n c a c ông..... | 14 |
| i u 12: Ngh a v c a c ông..... | 15 |
| i u 13: i h i ng c ông..... | 15 |
| i u 14: Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông..... | 16 |
| i u 15: Các i di n cu quy n..... | 18 |
| i u 16: Thay i các quy n..... | 18 |
| i u 17: Tri ut p i h i ng c ông, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông..... | 19 |
| i u 18: Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c ông | 20 |
| i u 19: Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i h i ng c ông | 21 |
| i u 20: Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông | 23 |
| i u 21: Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông | 23 |
| i u 22: Biên b nh p i h i ng c ông..... | 25 |
| i u 23: Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông | 25 |
| Ch ng VII: H I NG QU N TR | 26 |
| i u 24: Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr | 26 |
| i u 25: Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr | 27 |
| i u 26: Ch t ch, phó Ch t ch H i ng qu n tr | 30 |
| i u 27: Các cu ch p c a H i ng qu n tr | 30 |
| Ch ng VIII: GIÁM C I U HÀNH, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY | 34 |

| | |
|---|-----------|
| i u 28: T ch c b máy qu n lý..... | 34 |
| i u 29: Cán b qu n lý..... | 34 |
| i u 30: B nhi m, mi n nhi m, nhi m v và quy nh n c a Giám c i u hành | 35 |
| i u 31: Th ký công ty | 37 |
| Ch ng IX: NHI M V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , GIÁM C | |
| I U HÀNH B VÀ CÁN QU N LÝ..... | 37 |
| i u 32: Trách nhi m c n tr ng..... | 37 |
| i u 33: Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i | 38 |
| i u 34: Trách nhi m v thi t h i và b i th ng | 39 |
| Ch ng X: BAN KI M SOÁT..... | 39 |
| i u 35: Thành viên Ban ki m soát | 39 |
| i u 36: Ban ki m soát | 41 |
| Ch ng XI: QUY N I U TR A S SÁCH VÀ H S CÔNG TY..... | 42 |
| i u 37: Quy n i u tra s sách và h s | 42 |
| Ch ng XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN..... | 43 |
| i u 38: Công nhân viên và công oàn | 43 |
| Ch ng XIII: PHÂN CHIA L I NHU N..... | 43 |
| i u 39: C t c | 43 |
| i u 40: Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n | 44 |
| Ch ng XIV: TÀI KHO N NGÂN HÀNG, QU D TR , N M TÀI CHÍNH VÀ H TH NG K TOÁN | |
| | 44 |
| i u 41: Tài kho n ngân hàng | 44 |
| i u 42: Qu d tr b sung v n i u l | 44 |
| i u 43: N m tài khóa | 45 |
| i u 44: H th ng k toán | 45 |
| Ch ng XV: BÁO CÁO TH NG NIÊN, TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG..... | 45 |
| i u 45: Báo cáo hàng n m, sáu tháng và hàng quý | 45 |
| i u 46: Công b thông tin và thông báo ra công chúng | 46 |
| Ch ng XVI: KI M TOÁN CÔNG TY..... | 46 |
| i u 47: Ki m toán | 46 |
| Ch ng XVII: CON D U..... | 47 |
| i u 48: Con d u..... | 47 |
| Ch ng XVIII: CH M D THO T NG VÀ THANH LÝ..... | 47 |
| i u 49: Ch m d tho t ng | 47 |
| i u 50: Tr ng h p b t c gi a các thành viên H i ng qu n tr và c ông | 47 |
| i u 51: Thanh lý..... | 47 |
| Ch ng XIX: GI I QUY T TRANH CH P N I B | 48 |
| i u 52: Gi i quy t tranh ch p n i b | 48 |
| Ch ng XX: B SUNG VÀ S A I I U L | 49 |
| i u 53: B sung và s a i i u l | 49 |
| Ch ng XXI: NGÀY HI U L C..... | 49 |
| i u 54: Ngày hi u l c..... | 49 |

M U

I U L C Ô N G T Y C P H N N I H I V I T N A M

C N C P H Á P L Ý:

- C n c L u t D o a n h n g h i p s 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 n m 2014 c a Q u c h i;
- C n c L u t C h n g k h o á n s 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 n m 2006 c a Q u c h i;
- C n c Q u y t ã n h s 15/2007/Q -BTC ngày 19/3/2007 c a B ã n t r ã n g B ã n T à i c h í n h.
- C n c i u l c a C ô n g t y c p h n n i h i V i t N a m ã c i h i n g c ô n g C ô n g t y t h o n g q u a ã n g à y 08 t h á n g 05 n m 2008.

CHƯƠNG I
NHỮNG Á CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU

Điều 1: NHỮNG Á

1. Trong điều này, những thuật ngữ dưới đây có nghĩa sau:

a. "Việt Nam" là vùng đất các công dân góp và quy định của IV của điều này.

b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty Cổ phần Giấy công nhận đăng ký kinh doanh.

d. "Cơ cấu quản lý" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Phó trách kế toán, giám đốc chi nhánh, phó trách kế toán chi nhánh và trưởng, Phó phó trách các nhân viên trong Công ty Cổ phần Hàng quản trị phê chuẩn.

e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào quy định tại điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.

f. "Thị trường hàng" là thị trường hàng của Công ty quy định tại điều 2 của điều này có liên quan công của Công ty thông qua bảng quy định.

g. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong điều này, các tham chiếu từ từ hoặc từ quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của điều này) sẽ được ghi nhận từ từ cho vì có liên quan nội dung và không liên quan nội dung của điều này.

4. Các thuật ngữ thuật ngữ đã có nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với cách thức công nhận) sẽ có nghĩa tương tự trong điều này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRƯỜNG, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐIỀU VÀ THỊ TRƯỜNG
HỢP NGÀNH CÔNG TY

Điều 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRƯỜNG, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐIỀU VÀ THỊ TRƯỜNG
HỢP NGÀNH CÔNG TY

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI ĐỊA VIỆT NAM

- Tên tiếng Anh: VIET NAM BOILER JOINT STOCK COMPANY

- Tên viết tắt: VBC

2. Công ty là công ty cổ phần có tổ chức pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Tr s ng ký c a Công ty là:

- a ch : Th tr n ông Anh, Huy n ông Anh, Thành ph Hà N i
- i n tho i: 04.38833733; 04.38832431
- Fax: 04.38822724
- Website: <http://www.vietnamboiler.com.vn>
<http://www.Noihoivietnam.com.vn>

4. Chi nhánh và v n phòng giao d ch c a Công ty.

Chi nhánh Mi n nam: Lô B13B/1, ng 2A, Khu công nghi p V nh l c, Ph ng Bình H ng hòa B, Qu n Bình tân, Thành ph H Chí Minh

5. Bi u t ng Công ty (Logo).

- Là ch và s C70 cách i u 7 dáng hình Elíp ng tâm có t l tr c ng n, trên tr c dài ng bao ngoài là 1,0/1,50; ng bao trong là: 1,0/2,0. Thân s 7 có 7 nét i qua tâm Elíp và nghiêng 70° v i tr c dài.

6. Ch t ch H i ng qu n tr và T ng giám c Công ty là hai ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty.

7. Công ty có th thành l p chi nhánh và v n phòng i di n t i a bàn kinh doanh th c hi n các m c tiêu ho t ng c a Công ty phù h p v i ngh quy t c a H i ng qu n tr và trong ph m vi lu t pháp cho phép.

8. Th i h n ho t ng c a Công ty là vô th i h n.

CH NG III

M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY

i u 3: M C TIÊU HO T NG C A CÔNG TY

1. L nh v c kinh doanh c a Công ty là: (Theo ph l c gi y ng ký kinh doanh có mã s doanh nghi p 0101260822 ngày 06 tháng 04 n m 2016.

- S n xu t n i h i (Tr n i h i trung tâm)

Chi ti t: Thi t k , ch t o n i h i, thi t b áp l c - Mã ngành 2513.

- S n xu t s t, thép, gang

Chi ti t: Thi t k ch t o k t c u thép siêu tr ng, siêu tr ng, các s n ph m c khí khác - Mã ngành 32410.

- L p t máy móc và thi t b công nghi p

Chi ti t: Kh o sát, t v n, thi t k , v n chuy n, thi công l p t n i h i, thi t b áp l c và các công trình c khí - Mã ngành 3320.

- S a ch a các s n ph m kim lo i úc s n

Chi ti t: S a ch a, c i t o, ph c ch n i h i, thi t b áp l c, thi t b c khí các lo i - Mã ngành 3311

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu

Chi tiết: Kinh doanh xuất, nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị áp lực, máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu (Thép tấm, thép ống) phôi thép (bơm, quạt, vòi tua, các loại van) chuyên ngành; Hợp tác, liên doanh, liên kết và làm các dịch vụ kỹ thuật cho các doanh nghiệp kinh doanh trong và ngoài nước
Mã ngành 8299

- Lắp đặt thiết bị điện

Chi tiết: Kinh doanh ngành nghề xây lắp và cung cấp điện cho các nhà máy khu công nghiệp - Mã ngành 4321

- Lắp đặt thiết bị công nghiệp, thoát nước, lò sấy và lò u hòa không khí

Chi tiết: Kinh doanh ngành nghề xây lắp và cung cấp nước, hệ thống hòa cho các nhà máy, khu công nghiệp - Mã ngành 4322

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

Chi tiết: kinh doanh dịch vụ nhà hàng - Mã ngành 5610

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vui chơi) - Mã ngành 5510

- Tổ chức giải thi đấu và xúc tiến thương mại

Chi tiết: Môi giới xúc tiến thương mại - Mã ngành 8230

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa phân vào đâu

Chi tiết: Tham gia mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán; Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, chứng khoán) và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực thương mại - Mã ngành 6619

- Giáo dục nghề nghiệp

Chi tiết: Đào tạo (Chờ hoạt động sau khi các cơ quan có thẩm quyền cho phép) - Mã ngành 8532

- Xây dựng công trình công ích

Chi tiết: Xây dựng công trình công ích và hạ tầng kỹ thuật khác: Hệ thống tưới tiêu (kênh), các bể chứa; xây dựng các công trình công cộng: hạ tầng kỹ thuật, bao gồm cầu đường, nhà máy xử lý nước thải, các trạm bơm, nhà máy năng lượng, khoan nước ngầm. - Mã ngành 4220

- Xây dựng công trình kết cấu dân dụng khác

Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, trụ sở văn phòng: các nhà máy lắp đặt, các xưởng hóa chất. - Mã ngành 4290

- Xử lý và tiêu hủy rác thải không nguy hại. - Mã ngành 4290

- Xử lý và tiêu hủy rác thải nguy hại. - Mã ngành 3822

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan - Mã ngành 4661

- Bán lẻ hàng hóa khác m i trong các c a hàng chuyên doanh

Chi ti t: Bán l d u h a, bình ga than c i s d ng làm nhiên li u un n u trong gia ình
- Mã ngành 4773

(i v i ngành ngh kinh doanh có i u ki n, doanh nghi p ch c ho t ng khi áp
ng i u ki n kinh doanh theo quy ình c a pháp lu t)

2. M c tiêu ho t ng c a Công ty là:

- Không ng ng nâng cao l i ích c a c ông.
- T ng tích lu phát tri n s n xu t kinh doanh.
- Làm tròn ngh a v v i Nhà n c và xã h i.
- Nâng cao thu nh p c a ng i lao ng trong Công ty.

ì u 4: PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG

1. Công ty c phép l p k ho ch và ti n hành t t c các ho t ng kinh doanh theo quy ình c a Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và i u l này phù h p v i quy ình c a pháp lu t hi n hành và th c hi n các bi n pháp thích h p t c các m c tiêu c a Công ty.

2. Công ty có th ti n hành ho t ng kinh doanh trong các l nh v c khác c pháp lu t cho phép và c H i ng qu n tr phê chu n.

3. Công ty c ph n N i h i Vi t Nam ho t ng trên toàn b lãnh th n c C ng hoà xã h i ch ngh a Vi t Nam.

4. Nguyên t c t ch c ho t ng c a Công ty.

- Công ty c ph n N i h i Vi t Nam ho t ng theo nguyên t c t ng uy n, bình ng, dân ch và tuân theo pháp lu t.

- Các c ông Công ty cùng góp v n, cùng chia nhau l i nhu n, cùng ch u l t ng ng v i ph n v n góp. Ch ch u trách nhi m v kho n n và các ngh a v tài s n c a Công ty trong ph m vi ph n v n góp c a mình vào Công ty.

- C quan quy t nh cao nh t c a Công ty là i h i ng c ông (H C).

- i h i ng c ông b u H i ng qu n tr (H QT) lãnh o Công ty, b u Ban ki m soát (BKS) ki m soát ho t ng s n xu t, kinh doanh c a Công ty.

- H QT b nhi m các ch c danh:

+ Ch t ch H QT, phó ch t ch H QT.

+ T ng giám c Công ty, Phó t ng giám c, k toán tr ng, ph trách k toán, giám c chi nhánh, ph trách k toán chi nhánh, tr ng, phó ph trách các n v c a Công ty.

5. T ch c ng và các t ch c chính tr xã h i.

- T ch c ng C ng s n Vi t Nam trong Công ty ho t ng theo Hi n pháp và pháp lu t c a n c C ng hoà xã h i ch ngh a Vi t Nam và các quy ình c a ng C ng s n Vi t Nam.

- T ch c Công oàn, các t ch c chính tr - xã h i khác trong Công ty ho t ng theo hi n pháp và pháp lu t.

- Công ty c ph n N i h i Vi t Nam tôn tr ng và t o m i i u ki n thu n l i cho các t ch c nói trên ho t ng t t

CH NG IV **V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P**

i u 5: V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P

1. V n i u l c a Công ty là 45.000.000.000 ng (B ng ch : B n m i l m t ng ch n).

T ng s v n i u l c a Công ty c chia thành 4.500.000 c ph n v i m nh giá là 10.000 ng/c ph n.

2. Công ty có th t ng v n i u l khi c i h i ng c ông thông qua và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.

3. Các c ph n c a Công ty vào ngày thông qua i u l này u là c ph n ph thông. Các quy n và ngh a v kèm theo t ng lo i c ph n c quy nh t i i u 11.

4. Công ty có th phát hành các lo i c ph n u ã khác sau khi có s ch p thu n c a i h i ng c ông và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.

5. Công sáng l p Công ty c ph n N i h i Vi t Nam g m:

- Pháp nhân i di n ph n v n Nhà n c gi l i khi c ph n hóa Công ty N i h i Vi t Nam.

- Cá nhân CNVC - L trong Công ty N i h i Vi t Nam t i th i i m c ph n hoá.

- Các pháp nhân, th nhân tham gia thành l p Công ty c ph n t i H C l n th nh t

6. C ph n ph thông ph i c u tiên chào bán cho các c ông hi n h u theo t l t ng ng v i t l s h u c ph n ph thông c a h trong Công ty, tr tr ng h p i h i ng c ông quy nh khác. Công ty ph i thông báo vi c chào bán c ph n, trong thông báo ph i nêu rõ s c ph n c chào bán và th i h n ng ký mua phù h p t i thi u hai m i ngày làm vi c c ông có th ng ký mua. S c ph n c ông không ng ký mua h t s do H i ng qu n tr c a Công ty quy t nh. H i ng qu n tr có th phân ph i s c ph n ó cho các i t ng theo các i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p, nh ng không c bán s c ph n ó theo các i u ki n thu n l i h n so v i nh ng i u ki n ã chào bán cho các c ông hi n h u, tr tr ng h p i h i ng c ông ch p thu n khác ho c trong tr ng h p c ph n c bán qua S Giao d ch Ch ng khoán/ Trung tâm Giao d ch Ch ng khoán.

7. Công ty có th mua c ph n do chính công ty ã phát hành (k c c ph n u ã hoàn l i) theo nh ng cách th c c quy nh trong i u l này và pháp lu t hi n hành.

Cấp nhân phẩm thông do Công ty mua lại là cấp ưu quyền và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán, luật doanh nghiệp và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi cần thiết thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9. Quy định mức cấp nhân trong suất thì hiện hành của Công ty là:

- Mức pháp nhân không quá 20% tổng số cấp nhân của Công ty.
- Mức cá nhân không quá 10% tổng số cấp nhân của Công ty.

ĐIỀU 6: CHỨNG CHỨC CẤP ƯU

1. Cấp ưu là chứng chức do Công ty phát hành xác định quy định số hạn mức mua sắm cấp nhân của Công ty.

Công của Công ty cấp chứng chức hoặc chứng nhận cấp ưu theo quy định của pháp nhân và loại cấp nhân số hạn, trừ trường hợp quy định tại Khoản 8 của Điều này.

2. Chứng chức cấp ưu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đi nhận theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chức cấp ưu phải ghi rõ số hạn và loại cấp ưu mà công nhân mua, họ và tên người nhận (nếu là cấp ưu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mọi chứng chức cấp ưu ghi danh chỉ đi nhận cho một loại cấp nhân.

3. Trong thời hạn ba tháng kể từ ngày nộp ý kiến chuyên quy định số hạn cấp nhân theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán ý kiến mua cấp nhân theo quy định thì phải phát hành cấp ưu của Công ty, người sử dụng cấp nhân cấp chứng chức cấp ưu. Người sử dụng cấp nhân không phải trả cho công ty chi phí in chứng chức cấp ưu hoặc bất kỳ khoản phí gì.

4. Trường hợp chuyển nhượng một số cấp nhân ghi danh trong một chứng chức cấp ưu ghi danh, chứng chức cấp ưu ban đầu và chứng chức mới ghi nhận số cấp nhân còn lại sẽ cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng chức cấp ưu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sử dụng cấp ưu ghi danh có thể yêu cầu cấp chứng chức cấp ưu mới với điều kiện phải trả ra bằng chứng và vì số cấp nhân và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sử dụng chứng chức cấp ưu vô danh phải chịu trách nhiệm về việc báo quản chứng chức và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chức này bị mất cấp hoặc bị sử dụng vì mục đích khác.

7. Công ty có thể phát hành cấp nhân ghi danh không theo hình thức chứng chức. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cấp nhân ghi danh (theo hình thức chứng chức hoặc không chứng chức) chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chức và

chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thủ tục đăng ký kinh doanh và điều lệ này.

8. Công ty Philip và Logistics ký công đồng thời cấp giấy chứng nhận ký kinh doanh. Sổ ký công có thể là văn bản, tệp điện tử hoặc cả hai.

Sổ ký công phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, trụ sở của Công ty.
- Tên sản phẩm quy định chào bán, loại phân loại quy định chào bán và sản phẩm quy định chào bán tại nơi.
- Tên sản phẩm bán tại nơi và giá trị vốn sản phẩm góp.
- Tên công đồng, sách, số lượng phân loại cam kết công, ngày ký công phần.

9. Sổ ký công của Logistics từ trụ sở của Công ty và phải thông báo bằng văn bản cho quan ký kinh doanh và tất cả công bố tin. Khi có sự thay đổi về công thì Hội đồng quản trị và người lập có trách nhiệm thay đổi nội dung phù hợp. Mọi lần thay đổi Chi tiết Hội đồng quản trị hoặc người ký quy định phải ký vào sổ ký công.

10. Trong bất kỳ trường hợp nào của Công ty cũng không được dùng thay thế tín trong lưu thông, chứng, thủ tục, báo lãnh.

11. Công ty có thể bán sản phẩm mà không có chứng phi theo tho thuận với công. Trong trường hợp này các thông tin về công quy định điều lệ này ghi vào sổ ký công là chứng thức quy định sản phẩm của công.

điều 7: CHẾ ĐỘ CHẾ ĐỘ KHOẢN KHÁC

Chế độ trái phiếu hoặc các chế độ chế độ khoản khác của Công ty (trừ các thủ chào bán, các chế độ chứng và các tài liệu liên quan), sổ phát hành có dự và chứng ký mua của điều lệ theo pháp luật của Công ty, trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

điều 8: CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Chứng phi ghi danh của Nhà cầm giữ khi chuyển nhượng là chứng phi của thành viên sáng lập Công ty phần. Khi chuyển nhượng phải có sự đồng ý của công chủ.

2. Chứng phi ghi danh của thành viên Hội đồng quản trị không được chuyển nhượng trong suốt thời gian tồn tại.

3. Tất cả các chứng phi có thể do chuyển nhượng từ khi điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Chứng phi niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thủ tục đăng ký kinh doanh của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

4. Chứng phi của thanh toán yêu cầu không được chuyển nhượng và hạn chế.

5. H i ینگ qu n tr hoàn toàn có quy n t ھ i ینگ ký chuy n nh ینگ b t k c ph n c a c ینگ nào vi ph m quy nh t i i u này.

6. Mua l i c ph n theo yêu c u c a c ینگ:

- Nh ینگ c ینگ bi u quy t ph n i quy t nh v vi c t ھ c l i Công ty ho c thay i quy n, ngh a v c a c ینگ quy nh t i i u l Công ty có quy n yêu c u Công ty mua l i c ph n c a mình. Yêu c u ph i b ng v n b n, trong ó nêu rõ tên, a ھ , s l ینگ c ph n t ng lo i, giá tr nh bán, lý do yêu c u Công ty mua l i. Yêu c u ph i c g i n Công ty trong th i h n 10 ngày k t ngày i h i ینگ c ینگ thông qua quy t nh v các v n nói t i kho n này.

- Công ty ph i mua l i c ph n theo yêu c u c a c ینگ quy nh t i m c trên v i giá th tr ینگ ho c giá th p h n theo tho thu n trong th i h n chín m i ngày k t ngày nh n c yêu c u. Tr ینگ h p không tho thu n c v giá tr các bên có quy n yêu c u tr ینگ tài ho c toà án gi i quy t theo pháp lu t.

7. Mua l i c ph n theo quy t nh c a công ty.

Công ty có quy n mua l i không quá 30% t ng s c ph n ph thông ã bán, m t ph n ho c toàn b c ph n lo i khác ã bán theo quy nh sau ây:

- Vi c mua l i h n 10% t ng s c ph n ã bán c a m i lo i do i h i ینگ c ینگ quy t nh. Trong tr ینگ h p khác, vi c mua l i c ph n do H i ینگ qu n tr quy t nh.

- H i ینگ qu n tr quy t nh giá mua l i c ph n. i v i c ph n ph thông, giá mua l i không c cao h n giá th tr ینگ t i th i i m mua l i, tr tr ینگ h p quy nh t i m c sau. i v i c ph n lo i khác giá mua l i theo tho thu n gi a Công ty và c ینگ nh ینگ không c th p h n giá th tr ینگ.

- Công ty có th mua l i c ph n c a t ینگ c ینگ t ینگ ng v i t l c ph n c a h trong Công ty. Tr ینگ h p này quy t nh mua l i c ph n c a Công ty ph i c thông báo n t t c c ینگ trong th i h n ba m i ngày, k t ngày quy t nh ó c thông qua. Thông báo ph i ghi rõ t ng s c ph n và s c ph n c mua l i c a m i lo i. Giá mua l i ho c nguyên t c nh giá mua l i, th t c và th i h n thanh toán, th t c và th i h n c ینگ chào bán c ph n c a h cho Công ty. C ینگ ph i g i chào bán c ph n c a mình n Công ty trong th i h n ba m i ngày, k t ngày thông báo.

8. i u ki n thanh toán và x lý các c ph n c mua l i:

- Công ty ھ c quy n thanh toán c ph n c mua l i cho c ینگ theo quy nh t i các kho n 7 và 6 c a i u này n u ngay sau khi thanh toán h t s c ph n mua l i, Công ty v n m b o thanh toán các kho n n và các ngh a v tài s n khác.

- Sau khi thanh toán h t s c ph n mua l i, n u t ng giá tr tài s n c ghi trong s k toán c a Công ty gi m h n 10% thì Công ty ph i thông báo i u ó cho t t c ھ n bi t trong th i h n m i l m ngày, k t ngày thanh toán h t c ph n mua l i.

ĐIỀU 9: THU HẬP N

1. Trường hợp công không thanh toán y và ứng h n s t i n ph i tr mua c phi u, H i ng qu n tr thông báo và có quy n yêu c u c ông ó thanh toán s t i n còn l i cùng v i lãi su t trên kho n t i n ó và nh ng chi phí phát sinh do vi c không thanh toán y gây ra cho Công ty theo quy nh.

2. Thông báo thanh toán nêu trên ph i ghi rõ th i h n thanh toán m i t i thi u là b y ngày k t ngày g i thông báo, a i m thanh toán và thông báo ph i ghi rõ tr ng h p không thanh toán theo úng yêu c u, s c ph n ch a thanh toán h t s b thu h i.

3. Trường hợp các yêu c u trong thông báo nêu trên không c th c hi n, tr c khi thanh toán y t t c các kho n ph i n p, các kho n lãi và các chi phí liên quan, H i ng qu n tr có quy n thu h i s c ph n ó. H i ng qu n tr có th ch p nh n vi c giao n p các c ph n b thu h i theo quy nh t i các Kho n 4,5, 6 và trong các tr ng h p khác c quy nh t i i u l này.

4. C ph n b thu h i s tr thành tài s n c a Công ty. H i ng qu n tr có th tr c ti p ho c y quy n bán, tái phân ph i ho c gi i quy t cho ng i ã s h u c ph n b thu h i ho c các i t ng khác theo nh ng i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p.

5. Công n m gi c ph n b thu h i s ph i t b t cách c ông i v i nh ng c ph n ó, nh ng v n ph i thanh toán t t c các kho n t i n có liên quan c ng v i t i n lãi theo t l không quá 13% m t n m vào th i i m thu h i theo quy t nh c a H i ng qu n tr k t ngày thu h i cho n ngày th c hi n thanh toán. H i ng qu n tr có toàn quy n quy t nh vi c c ng ch thanh toán toàn b giá tr c phi u vào th i i m thu h i ho c có th m i n gi m thanh toán m t ph n ho c toàn b s t i n ó.

6. Thông báo thu h i s c g i n ng i n m gi c ph n b thu h i tr c th i i m thu h i. Vi c thu h i v n có hi u l c k c trong tr ng h p có sai sót ho c b t c n trong vi c g i thông báo.

CHƯƠNG V

CÁC UT CH C, QU N LÝ VÀ KI M SOÁT

ĐIỀU 10: CÁC UT CH C QU N LÝ

C c ut ch c qu n lý c a Công ty bao g m:

- a, i h i ng c ông.
- b, H i ng qu n tr .
- c, T ng giám c i u hành.
- d, Ban ki m soát.

CHƯƠNG VI CỔNG VÀ HỘI ĐỒNG

Điều 11: QUY ĐỊNH VỀ CỔNG

1. Công ty là nơi cư trú của Công ty, có các quy định và nghĩa vụ theo số vốn và loại vốn mà sở hữu. Công ty chịu trách nhiệm và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phải thông qua các quy định sau:

a. Tham gia các hội nghị cổ đông và thực hiện quy định biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quy định.

b. Nhận cổ tức.

c. Chuyển nhượng cổ phần đã thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều này và pháp luật hiện hành.

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán công ty và cổ phiếu thông qua mà sở hữu.

e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến bản thân cổ đông trong danh sách cổ đông để cách tham gia hội nghị cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hồ sơ sao chép Điều lệ công ty, biên bản họp hội nghị cổ đông và các quy định của hội nghị cổ đông.

g. Trả góp Công ty giá trị, chênh lệch phần tài sản còn lại công ty và số vốn góp vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ và các cổ đông khác theo quy định của pháp luật.

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129.1 của Luật Doanh nghiệp.

i. Các quy định khác theo quy định của Điều này và pháp luật.

3. Công ty hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phải thông qua trong thời hạn liên tục sáu tháng trở lên có các quy định sau:

a. Các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định trong nội quy các Điều 24.4 và Điều 35.2.

b. Yêu cầu triệu tập hội nghị cổ đông trong các trường hợp sau: Điều 114.3a3b Luật DN

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quy định của công ty, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền của giao.

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa bầu thay thế.

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quy định tham dự và biểu quyết hội nghị cổ đông.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra tình hình liên quan đến quản lý, Điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản;

ph i có h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh i v i c ông là t ch c; s l ng c ph n và th i i m ng ký c ph n c a t ng c ông, t ng s c ph n c a c nhóm c ông và t l s h u trong t ng s c ph n c a công ty; v n c n ki m tra, m c ích ki m tra.

e. Các quy n khác c quy nh t i i u l này.

i u 12: NGH A V C A C ÔNG

1. Tuân th i u l Công ty và các quy ch c a Công ty; Ch p hành quy t nh c a i h i ng c ông, H i ng qu n tr .

2. Thanh toán ti n mua c ph n ã ng ký mua theo quy nh.

Không c rút v n ã góp b ng c ph n ph thông ra kh i công ty đ i m i hình th c, tr tr ng h p c công ty ho c ng i khác mua l i c ph n Tr ng h p có c ông rút m t ph n ho c toàn b v n c ph n ã góp trái v i quy nh t i kho n này thì c ông ó là ng i có l ích liên quan trong công ty ph i cùng liên i ch u trách nhi m v các kho n n và ngh a v tài s n khác c a công ty trong ph m vi giá tr c ph n ã b rút và các thi t h i x y ra.

3. Cung c p a ch chính xác khi ng ký mua c ph n.

4. Hoàn thành các ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

5. Ch u trách nhi m cá nhân khi nhân danh công ty đ i m i hình th c th c hi n m t trong các hành vi sau ây:

a. Vi ph m pháp lu t.

b. Ti n hành kinh doanh và các giao d ch khác t l i ho c ph c v l i ích c a t ch c, cá nhân khác.

c. Thanh toán các kho n n ch a n h n tr c nguy c tài chính có th x y ra i v i công ty.

i u 13: I H I NG C ÔNG

1. i h i ng c ông g m t t c c ông có quy n bi u quy t, i h i ng c ông là c quan có th m quy n cao nh t c a Công ty. i h i ng c ông th ng niên c t ch c m i n m m t l n. i h i ng c ông ph i h p th ng niên trong th i h n b n tháng, k t ngày k t thúc n m tài chính. Theo ngh c a H QT, c quan ng ký kinh doanh có th gia h n, nh ng không quá 06 tháng, k t ngày k t thúc n m tài chính.

2. H i ng qu n tr t ch c tri u t p h p i h i ng c ông th ng niên và l a ch n a i m phù h p. i h i ng c ông th ng niên quy t nh nh ng v n theo quy nh c a pháp lu t và i u l Công ty, c bi t thông qua các báo cáo tài chính hàng n m và ngân sách tài chính cho n m tài chính ti p theo. Các ki m toán viên c l p c m i tham đ i h i t v n cho vi c thông qua các báo cáo tài chính hàng n m.

3. Hội đồng quản trị phải trình bày những công bố thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kế toán của năm tài chính phản ánh về những rủi ro bất thường.
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong luật.
- d. Công hoc nhóm công quy định tại điều 11.3 của luật này yêu cầu trình bày những công bố thông tin về vận hành kinh doanh. Vận hành kinh doanh trình bày phải nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có chứng cứ của các công liên quan (vận hành kinh doanh có thể là thành viên hoặc có chứng cứ của các công có liên quan).
- e. Ban kiểm soát yêu cầu trình bày cụ thể những Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vì phạm nghiêm trọng các trách nhiệm của họ theo điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành vi hoặc có ý định hành vi ngoài phạm vi quy định của mình.
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và luật công ty.

4. Trình bày những công bố thường.

a. Hội đồng quản trị phải trình bày những công bố thường trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại quy định tại Khoản 3c điều 13 hoặc những yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e điều 13.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình bày những công bố thường theo quy định tại Khoản 4a điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị trình bày những công bố thường theo quy định tại điều 136.5 Luật Doanh nghiệp (Thẩm quyền trình bày những công bố thường).

c. Trường hợp Ban kiểm soát không trình bày những công bố thường theo quy định tại Khoản 4b điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, công, nhóm công có yêu cầu quy định tại Khoản 3d điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trình bày những công bố thường theo quy định tại điều 136.6 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, công hoc nhóm công trình bày những công bố thường có thể thực hiện quan hệ kinh doanh giám sát về trình bày và tiến hành hành động xét thấy cần thiết.

d. Tổng chi phí cho việc trình bày và tiến hành hành vi những công bố thường của công ty hoàn toàn là chi phí này không bao gồm những chi phí do công chi tiêu khi tham gia những công bố, kể cả chi phí nhân viên.

điều 14: QUY ĐỊNH VỀ NHỮNG MỘT SỐ CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Những công bố thường niên thông tin và thông qua các văn bản sau:

- a. Báo cáo tài chính kế toán hàng năm.
- b. Báo cáo của Ban kiểm soát.

- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị.
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
 - e. Các văn bản khác thuộc thẩm quyền.
2. Hội đồng công ty hàng năm và bất kỳ thông qua quy định như bên dưới các văn bản sau:
- a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
 - b. Mục đích thanh toán hàng năm cho mỗi lợi ích phần vốn của Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan đến lợi ích phần vốn. Mục đích này không cao hơn mục mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các công ty liên quan.
 - c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - d. Mục chỉ trích nhiệm vụ lao động của các thành viên Hội đồng quản trị.
 - e. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty.
 - f. Lợi ích phần vốn và số lượng cổ phiếu mới được phát hành cho mỗi lợi ích phần vốn, và việc chuyển nhượng cổ phiếu của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập.
 - g. Chia, tách, sáp nhập, sáp nhập hoặc chuyển nhượng Công ty.
 - h. Tách rời và giải thể (thanh lý) Công ty và chuyển nhượng giải thể.
 - i. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các công ty của Công ty.
 - k. Quy định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất.
 - l. Công ty mua lại hơn 10% một lợi ích phần vốn phát hành.
 - m. Hợp đồng, giao dịch phi lợi ích của Hội đồng hoặc HĐQT chấp thuận:
Hợp đồng giao dịch của công ty với các cá nhân sau đây phi lợi ích của Hội đồng hoặc HĐQT chấp thuận:
 - Công đồng, người đi đến quy định của hợp đồng trên 10% tổng số phần vốn thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có quy định khoản 2 Điều 159 Luật DN
 - n. Các văn bản khác theo quy định của Điều lệ này và các quy định khác của Công ty.
3. Công đồng không được tham gia bất kỳ trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2.(k,m) Điều lệ này khi công đồng có hoặc người có liên quan của công đồng là một bên của hợp đồng.
 - b. Việc mua cổ phiếu của công đồng có hoặc cá nhân có liên quan của công đồng.
4. Tất cả các nghị quyết và các văn bản đã đưa vào chương trình họp phi lợi ích của ra thảo luận và biểu quyết tại Hội đồng công ty.

i u 15: CÁC IDI N C U QUY N

1. Các công có quy n tham d i h i ng c ông theo lu t pháp có th tr c ti p tham d ho c u quy n cho i di n c a mình tham d . Tr ng h p có nhi u h n m t ng i i di n theo y quy n c c thì ph i xác nh c th s c ph n và s phi u b u c a m i ng i i di n.

2. Vi c u quy n cho ng i i di n đ h p i h i ng c ông ph i l p thành v n b n theo m u c a Công ty và ph i có ch ký theo quy nh sau ây:

a. Tr ng h p c ông cá nhân là ng i u quy n thì ph i có ch ký c a c ông ó và ng i c u quy n đ h p.

b. Tr ng h p ng i i di n theo u quy n c a c ông là t ch c là ng i u quy n thì ph i có ch ký c a ng i i di n theo u quy n, ng i i di n theo pháp lu t c a c ông và ng i c u quy n đ h p.

c. Trong tr ng h p khác thì ph i có ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t c a c ông và ng i c u quy n đ h p.

Ng i c u quy n đ h p i h i ng c ông ph i n p v n b n u quy n tr c khi vào phòng h p.

3. Tr ng h p lu t s thay m t cho ng i u quy n ký gi y ch nh i di n, vi c ch nh i di n trong tr ng h p này ch c coi là có hi u l c n u gi y ch nh i di n ó c xu t trình cùng v i th u quy n cho lu t s ho c b n sao h p l c a th u quy n ó (n u tr c ó ch a ng ký v i Công ty).

4. Tr tr ng h p quy nh t i kho n 3 i u 15, phi u bi u quy t c a ng i c u quy n đ h p trong ph m vi c u quy n v n có hi u l c khi có m t trong các tr ng h p sau ây:

a. Ng i u quy n ã ch t, b h n ch n ng l c hành vi dân s ho c b m t n ng l c hành vi dân s .

b. Ng i u quy n ã hu b vi c ch nh u quy n.

c. Ng i u quy n ã hu b th m quy n c a ng i th c hi n vi c u quy n.

i u kho n này s không áp d ng trong tr ng h p Công ty nh n c thông báo v m t trong các s ki n trên b n m i tám gi tr c gi khai m c cu c h p i h i ng c ông ho c tr c khi cu c h p c tri u t p l i.

i u 16: THAY I CÁC QUY N

1. Các quy t nh c a i h i ng c ông (trong các tr ng h p quy nh t i i u 14.2 14.1 liên quan n v n c ph n c a Công ty c chia thành các lo i c ph n khác nhau) v vi c thay i ho c hu b các quy n c bi t g n li n v i t ng lo i c ph n s ch c thông qua khi có s nh t trí b ng v n b n c a nh ng ng i n m gi ít nh t 75% quy n bi u quy t c a c ph n ã phát hành lo i ó.

2. Vi c t ch c m t cu c h p nh trên ch có giá tr khi có t i thi u hai c ông (ho c i di n c y quy n c a h) và n m gi t i thi u m t ph n ba giá tr m nh giá c a các

c ph n lo i ó ã phát hành. Tr ng h p không có s i bi u nh nêu trên thì s t ch c h p l i trong vòng ba m i ngày sau ó và nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó (không ph thu c vào s l ng ng i và s c ph n) có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c u quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u. T i các cu c h p riêng bi t nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c qua ng i i di n u có th yêu c u b phi u kín và m i ng i khi b phi u kín u có m t lá phi u cho m i c ph n s h u thu c lo i ó.

3. Th t c ti n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u 18 và i u 20.

4. Tr khi các i u kho n phát hành c ph n quy nh khác, các quy n c bi t g n li n v i các lo i c ph n có quy n u ã i v i m t s ho c t t c các v n liên quan n chia s l i nhu n ho c tài s n c a Công ty s không b thay i khi Công ty phát hành thêm các c ph n cùng lo i.

i u 17: TRI UT P I H I NG C ÔNG, CH NG TRÌNH H P VÀ THÔNG BÁO H P I H I NG C ÔNG

1. H i ng qu n tr tri ut p i h i ng c ông, ho c i h i ng c ông c tri ut p theo các tr ng h p quy nh t i i u 13.4b ho c i u 13.4c.

2. Ng i tri ut p i h i ng c ông ph i th c hi n nh ng nhi m v sau ây:

a. Chu n b danh sách các c ông i u ki n tham gia và bi u quy t t i i h i trong vòng ba m i ngày tr c ngày b t u ti n hành i h i ng c ông; ch ng trình h p, và các tài li u theo quy nh phù h p v i lu t pháp và các quy nh c a Công ty;

b. Xác nh th i gian và a i m t ch c i h i,

c. Thông báo và g i thông báo h p i h i ng c ông cho t t c các c ông có quy n d h p.

3. Thông báo h p i h i ng c ông ph i bao g m ch ng trình h p và các thông tin liên quan v các v n s c th o lu n và bi u quy t t i i h i. i v i các c ông ã th c hi n vi c l u ký c phi u, thông báo h p i h i ng c ông có th c g i n t ch c l u ký, ng th i công b trên ph ng ti n thông tin c a S Giao d ch Ch ng khoán, Trung tâm Giao d ch Ch ng khoán, trên website c a công ty, 01 t báo trung ng ho c 01 t báo a ph ng n i công ty óng tr s chính. i v i các c ông ch a th c hi n vi c l u ký c phi u, thông báo h p i h i ng c ông có th c g i cho c ông b ng cách chuy n t n tay ho c g i qua b u i n b ng ph ng th c b o m t i a ch ã ng ký c a c ông, ho c t i a ch do c ông ó cung c p ph c v vi c g i thông tin. Tr ng h p c ông ã thông báo cho Công ty b ng v n b n v s fax ho c a ch th i n t , thông báo h p i h i ng c ông có th c g i t i s fax ho c a ch th i n t ó. Tr ng h p c ông là ng i làm vi c trong Công ty, thông báo có th ng trong phong bì dán kín g i t n tay h t i n i làm vi c. Thông báo h p i h i ng c ông ph i c g i tr c ít nh t 10 ngày tr c ngày h p i h i ng c ông, (tính t ngày mà thông báo c g i ho c chuy n i m t cách h p l , c tr c c phí ho c c

b vào hòm thư). Trưởng hợp Công ty có website, thông báo họp i h i ng c ông phi c công b trên website của Công ty ng th i v i vi c g i thông báo cho các c ông.

Ghi chú: Trưởng hợp công ty có trang thông tin i n t , vi c g i tài li u h p theo thông báo m i h p quy nh t i kho n 3 i u này có th thay th b ng ng t i trên trang thông tin i n t của công ty. Trưởng hợp này, thông báo m i h p phi ghi rõ n i, cách th c t i tài li u và công ty phi g i tài li u h p cho c ông n u c ông yêu c u.

4. Công ho c nhóm c ông c c p t i i u 11.3 của i u l này có quy n xu t các v n vào ch ng trình h p i h i ng c ông. xu t phi c làm b ng v n b n và phi c g i cho Công ty ít nh t ba ngày làm vi c tr c ngày khai m c i h i ng c ông. xu t phi bao g m h và tên c ông, s l ng và lo i c ph n ng i ó n m gi , và n i dung ngh vào ch ng trình h p.

5. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có quy n t ch i nh ng xu t liên quan n Kho n 4 của i u 17 trong các tr ng h p sau:

a. xu t c g i n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung;

b. Vào th i i m xu t, c ông ho c nhóm c ông không có ít nh t 5% c ph n ph thông trong th i gian liên t c ít nh t sáu tháng;

c. V n xu t không thu c ph m vi th m quy n của i h i ng c ông bàn b c và thông qua.

6. H i ng qu n tr phi chu n b d th o ngh quy t cho t ng v n trong ch ng trình h p.

7. Trưởng h p t t c c ông i đi n 100% s c ph n có quy n bi u quy t tr c ti p tham d ho c thông qua i đi n c u quy n t i i h i ng c ông, nh ng quy t nh c i h i ng c ông nh t trí thông qua u c coi là h p l k c trong tr ng h p vi c tri u t p i h i ng c ông không theo úng th t c ho c n i dung bi u quy t không có trong ch ng trình.

i u 18: CÁC I U KI N TI NHÀN H P I H I NG C ÔNG

1. i h i ng c ông c ti n hành khi có s c ông d h p i đi n cho ít nh t 51% c ph n có quy n bi u quy t.

2. Trưởng h p không có s l ng i bi u c n thi t trong vòng ba m i phút k t th i i m n nh khai m c i h i, i h i phi c tri u t p l i trong vòng ba m i ngày k t ngày d nh t ch c i h i ng c ông l n th nh t. i h i ng c ông tri u t p l i ch c ti n hành khi có thành viên tham d là các c ông và nh ng i đi n c u quy n d h p i đi n cho ít nh t 33% c ph n có quy n bi u quy t.

3. Trưởng h p i h i l n th hai không c ti n hành do không có s i bi u c n thi t trong vòng ba m i phút k t th i i m n nh khai m c i h i, i h i ng c ông l n th ba có th c tri u t p trong vòng hai m i ngày k t ngày d nh t i n hành i h i l n hai, và trong tr ng h p này i h i c ti n hành không ph thu c vào

s l ng c ông hay i di n u quy n tham d và c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n mà i h i ng c ông l n th nh t có th phê chu n.

4. Ch có i h i ng c ông m i có quy n quy t nh thay i ch ng trình h p ã c g i kèm theo thông báo m i h p theo quy nh t i i u 17.

i u 19: TH TH C TI NHÀN H H P VÀ BI U QUY T T I I H I NG C ÔNG

1. Vào ngày t ch c i h i ng c ông, Công ty ph i th c hi n th t c ng ký c ông và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ông có quy n d h p có m t ng ký h t.

2. Khi ti n hành ng ký c ông, Công ty s c p cho t ng c ông ho c i di n c u quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t, trên ó có ghi s ng ký, h và tên c a c ông, h và tên i di n c u quy n và s phi u bi u quy t c a c ông ó. Khi ti n hành bi u quy t t i i h i, s th ng h ngh quy t c thu tr c, s th ph n i ngh quy t c thu sau, cu i cùng m t ng s phi u tán thành hay ph n i quy t nh. T ng s phi u ng h , ph n i t ng v n ho c b phi u tr ng, s c Ch to thông báo ngay sau khi ti n hành bi u quy t v n ó. i h i s t ch n trong s i bi u nh ng ng i ch u trách nhi m ki m phi u ho c giám sát ki m phi u và n u i h i không ch n thì Ch t a s ch n nh ng ng i ó. S thành viên c a ban ki m phi u không quá ba ng i.

3. C ông n d i h i ng c ông mu n có quy n ng ký ngay và sau ó có quy n tham gia và bi u quy t ngay t i i h i. Ch to không có trách nhi m d ng i h i cho c ông n mu n ng ký và hi u l c c a các t bi u quy t ã ti n hành tr c khi c ông n mu n tham d s không b nh h ng.

4. i h i ng c ông s do Ch t ch H i ng qu n tr ch trì, tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr v ng m t thì Phó Ch t ch H i ng qu n tr ho c là ng i c i i h i ng c ông b u ra s ch trì. Tr ng h p không ai trong s h có th ch trì i h i, thành viên H i ng qu n tr ch c v cao nh t có m t s t ch ch p b u ra Ch t a c a i h i ng c ông, Ch t a không nh t thi t ph i là thành viên H i ng qu n tr . Ch t ch, Phó Ch t ch ho c Ch t a c i h i ng c ông b u ra c m t th ký l p biên b n i h i. Tr ng h p b u Ch t a, tên Ch t a c c và s phi u b u cho Ch t a ph i c công b .

5. Quy t nh c a Ch to v trình t , th t c ho c các s ki n phát sinh ngoài ch ng trình c a i h i ng c ông s mang tính phán quy t cao nh t.

6. Ch to i h i ng c ông có th hoãn h p i h i ngay c trong tr ng h p ã có s i bi u c n thi t n m t th i i m khác và t i m t a i m do ch to quy t nh mà không c n l y ý ki n c a i h i n u nh n th y r ng (a) các thành viên tham d không th có ch ng i thu n ti n a i m t ch c i h i, (b) hành vi c a nh ng ng i có m t làm m t tr t t ho c có kh n ng làm m t tr t t c a cu c h p ho c (c) s trì hoãn là c n thi t các công vi c c a i h i c ti n hành m t cách h p l . Ngoài ra, Ch to i h i có th hoãn i h i khi có s nh t trí ho c yêu c u c a i h i ng c ông ã có

s 1 ng i bi u d h p c n thi t. Th i gian hoãn t i a không quá ba ngày k t ngày d nh khai m c i h i. i h i h p l i s ch xem xét các công vi c l ra ã c gi i quy th p pháp t i i h i b trì hoãn tr c ó.

7. Tr ng h p ch t a hoãn ho c t m d ng i h i ng c ông trái v i quy nh t i kho n 6 i u 19, i h i ng c ông b u m t ng i khác trong s nh ng thành viên tham d thay th ch t a i u hành cu c h p cho n lúc k t thúc và hi u l c các bi u quy t t i cu c h p ó không b nh h ng.

8. Ch to c a i h i ho c Th ký i h i có th ti n hành các ho t ng mà h th y c n thi t i u khi n i h i ng c ông m t cách h p l và có tr t t ; ho c i h i ph n ánh c mong mu n c a a s tham d .

9. H i ng qu n tr có th yêu c u các c ông ho c i di n c u quy n tham d i h i ng c ông ch u s ki m tra ho c các bi n pháp an ninh mà H i ng qu n tr cho là thích h p. Tr ng h p có c ông ho c i di n c u quy n không ch u tuân th nh ng quy nh v ki m tra ho c các bi n pháp an ninh nói trên, H i ng qu n tr sau khi xem xét m t cách c n tr ng có th t ch i ho c tr c xu t c ông ho c i di n nói trên tham gia i h i.

10. H i ng qu n tr , sau khi ã xem xét m t cách c n tr ng, có th ti n hành các bi n pháp c H i ng qu n tr cho là thích h p :

- a. i u ch nh s ng i có m t t i a i m chính h p i h i ng c ông.
- b. B o m an toàn cho m i ng i có m t t i a i m ó.
- c. T o i u ki n cho c ông tham d (ho c t i p t c tham d) i h i.

H i ng qu n tr có toàn quy n thay i nh ng bi n pháp nêu trên và áp d ng t t c các bi n pháp n u H i ng qu n tr th y c n thi t. Các bi n pháp áp d ng có th là c p gi y vào c a ho c s d ng nh ng hình th c l a ch n khác.

11. Trong tr ng h p t i i h i ng c ông có áp d ng các bi n pháp nói trên, H i ng qu n tr khi xác nh a i m i h i có th :

- a. Thông báo r ng i h i s c t i n hành t i a i m ghi trong thông báo và ch to i h i s có m t t i ó (“ a i m chính c a i h i”).
- b. B trí, t ch c nh ng c ông ho c i di n c u quy n không d h p c theo i u kho n này ho c nh ng ng i mu n tham gia a i m khác v i a i m chính c a i h i có th ng th i tham d i h i.
- c. Thông báo v vi c t ch c i h i không c n nêu chi ti t nh ng bi n pháp t ch c theo i u kho n này.

12. Trong i u l này (tr khi hoàn c nh yêu c u khác), m i c ông s c coi là tham gia i h i a i m chính c a i h i.

Hàng n m Công ty ph i t ch c i h i ng c ông ít nh t m t l n. i h i ng c ông th ng niên không c t ch c d i hình th c l y ý ki n b ng v n b n.

ĐIỀU 20: THÔNG QUA QUY ĐỊNH NHỮNG VIỆC KHÁC

1. Nghị quyết và nội dung sau đây được thông qua nếu được Đại hội đồng cổ đông chi phối ít nhất 65% tổng số phiếu quy định tại các điều khoản sau đây:

a. Loại bỏ và tái cấu trúc các bộ phận;

b. Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cấu trúc quản lý công ty;

d. Dự án mua hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

e. Thay đổi, giải thể công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được Đại hội đồng cổ đông chi phối ít nhất 51% tổng số phiếu quy định tại các điều khoản sau đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 của Điều này.

3. Việc bầu quy định thành viên Hội đồng quản trị và ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bỏ phiếu, theo số phiếu được Đại hội đồng cổ đông chi phối ít nhất 51% tổng số phiếu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và được Đại hội đồng cổ đông chi phối ít nhất 51% tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số thành viên. Người trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính theo cao xuống, bắt đầu từ thành viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi số thành viên quy định tại Điều này. Trường hợp có từ 02 thành viên trở lên cùng số phiếu bầu nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì số tiến hành bốc thăm trong số các thành viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định trước hoặc thành viên nào sẽ được ưu tiên cao hơn sẽ được lựa chọn.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết được thông qua nếu được Đại hội đồng cổ đông chi phối ít nhất 51% tổng số phiếu quy định tại các điều khoản sau đây.

5. Nghị quyết của Hội đồng cổ đông phải được thông báo nội dung Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua; Trường hợp công ty có trang thông tin internet, việc ghi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin internet của công ty.

ĐIỀU 21: THẨM QUYỀN VÀ THỰC THI LẤY Ý KIẾN CÔNG BẰNG VĂN BẢN THÔNG QUA QUY ĐỊNH NHỮNG VIỆC KHÁC

Thẩm quyền và thực thi lấy ý kiến công bằng văn bản thông qua quy định của Hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến công bằng văn bản thông qua quy định của Hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, đề nghị quy định của Hội đồng cổ đông và các tài liệu ghi trình đề nghị quy định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo đề

tho quy trình và tài liệu gì trình phi công Gi n t t c các công có quy n bi u quy t ch m nh t 10 ngày tr c th i h n phi g i l i phi u l y ý ki n.

3. Phi u l y ý ki n phi có các n i dung ch y u sau ây:

a. Tên, a ch tr s chính, s và ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, n i ng ký kinh doanh c a công ty.

b. M c ích l y ý ki n.

c. H , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a c ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh c a c ông ho c i di n theo u quy n c a c ông là t ch c; s l ng c ph n c a t ng lo i và s phi u bi u quy t c a c ông.

d. V n c n l y ý ki n thông qua quy t nh.

e. Ph ng án bi u quy t bao g m tán thành, không tán thành và không có ý ki n.

f. Th i h n phi g i v công ty phi u l y ý ki n ã c tr l i.

g. H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr và ng i i di n theo pháp lu t c a công ty.

4. Phi u l y ý ki n ã c tr l i phi có ch ký c a c ông là cá nhân, c a ng i i di n theo u quy n ho c ng i i di n theo pháp lu t c a c ông là t ch c.

Phi u l y ý ki n g i v công ty phi c ng trong phong bì dán kín và không ai c quy n m tr c khi ki m phi u. Các phi u l y ý ki n g i v công ty sau th i h n ã xác nh t i n i dung phi u l y ý ki n ho c ã b m u không h p l .

Phi u l y ý ki n g i v công ty qua fax ho c th i n t phi c g i bí m t n th i i m ki m phi u.

5. H i ng qu n tr ki m phi u và l p biên b n ki m phi u d i s ch ng ki n c a Ban ki m soát ho c c a c ông không n m gi ch c v qu n lý công ty. Biên b n ki m phi u phi có các n i dung ch y u sau ây:

a. Tên, a ch tr s chính, s và ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, n i ng ký kinh doanh.

b. M c ích và các v n c n l y ý ki n thông qua quy t nh.

c. S c ông v i t ng s phi u bi u quy t ã tham gia bi u quy t, trong ó phân bi t s phi u bi u quy t h p l và s bi u quy t không h p l , kèm theo ph l c danh sách c ông tham gia bi u quy t.

d. T ng s phi u tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n .

e. Các quy t nh ã c thông qua.

f. H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr , ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty và c a ng i giám sát ki m phi u, ng i ki m phi u.

Các thành viên H i ng qu n tr , ng i ki m phi u và ng i giám sát ki m phi u phi i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên

CHƯƠNG VII
HÌNH THỨC QUẢN TRỊ

Điều 24: THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI QUẢN TRỊ

1. Số lượng thành viên Hội quản trị là 07 thành viên. Nhiệm vụ của Hội quản trị là 05 năm. Nhiệm vụ của thành viên Hội quản trị không quá 05 năm; thành viên Hội quản trị có thể bầu lại nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội quản trị tối đa không vượt quá hành phi chí m ít nhất 20% tổng số thành viên Hội quản trị.

- Chức, phó chức HQT do Hội quản trị bầu.

2. Các thành viên của Hội quản trị do các công nhân theo dõi sản xuất phân bổ theo công nhân. Các công nhân quy định sản xuất phân vào vì nhau bầu phi u các thành viên Hội quản trị.

3. Các thành viên HQT phối hợp nhau nắm giữ ít nhất 20% cổ phần phi thông có quy định quy định của Công ty.

4. Các công nhân nắm giữ tối thiểu 5% số phần có quy định quy định quy định quy định của Công ty. Các công nhân nắm giữ 5% trở lên 10% số phần có quy định quy định trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng trở lên quy định 01 thành viên; từ 10% trở lên 30% quy định 02 thành viên; từ 30% trở lên 50% quy định 03 thành viên; từ 50% trở lên 65% quy định 04 thành viên và từ trên 65% trở lên quy định số thành viên.

5. Trường hợp số lượng các thành viên Hội quản trị thông qua và quy định không số lượng công nhân, Hội quản trị nắm nhiệm có thể thêm thành viên hoặc chức theo mô hình do công ty quy định. Chức hay cách thức Hội quản trị nắm nhiệm của thành viên Hội quản trị phi công bố rõ ràng và phi chi phí công thông qua trước khi tiến hành.

6. Thành viên Hội quản trị sẽ không còn là thành viên Hội quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên không là thành viên Hội quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc luật pháp của nước làm thành viên Hội quản trị;

b. Thành viên có tình trạng xin thôi việc chính của Công ty;

c. Thành viên có bị mất tâm thần và thành viên khác của Hội quản trị có nghĩa vụ chuyên môn công nhân phi không còn nghĩa vụ hành vi;

d. Thành viên có vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội quản trị không cho phép thành viên vắng mặt và phi phán quyết công nhân phi này bị bãi nhiệm;

e. Thành viên có thể cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty.

7. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới thay thế chức vụ phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận từ Hội đồng ngay tiếp sau đó. Sau khi được Hội đồng chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

8. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về kế toán và thanh toán kế toán.

9. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là nhân viên cấp trên của Công ty.

10. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc diện bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật DN

b. Là công dân nhân sự ít nhất 5% tổng số phần trăm thông tin công dân khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.

ĐIỀU 25: QUY ĐỊNH VỀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty có toàn quyền nhân danh công ty quy định, thực hiện các quy định và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Công ty.

2. Hội đồng quản trị có các quy định và nghĩa vụ sau đây:

a. Quy định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;

b. Kiểm soát lợi nhuận và tổng số phần trăm quy định chào bán của công ty;

c. Quy định bán phần mới trong phạm vi số phần trăm quy định chào bán của công ty; quy định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quy định giá bán phần và trái phiếu của công ty;

e. Quy định mua lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 130 Luật doanh nghiệp;

f. Quy định phân bổ án xuất và dự án xuất trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quy định giới hạn pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 135.2d, Điều 162.1 và Điều 162.3 của Luật DN;

i. B u, m i n n h i m, b ả i n h i m Ch ấ t ch H i ể ng qu n tr ; B ả n h i m, m i n n h i m, ký h p ể ng, ch m d t h p ể ng i v i T ể ng gi ả m ể c và ng ể i qu n lý khác; Quy t ể nh t i n l ể ng, m c thù lao và quy n l i khác c a nh ng ng ể i qu n lý ó;

k. Gi ả m s ả t, ch ể o T ể ng gi ả m ể c và ng ể i qu n lý khác trong i u h ả nh công vi c kinh doanh hàng ngày c a công ty;

l. Quy t ể nh c ể c u t ể ch c, quy ch qu n lý n i b ể c a công ty, quy t ể nh thành l p công ty con, l p chi nhánh, v n phòng ể i đ i n và vi c g ố p v n, mua c ể ph n c a doanh nghi p khác;

m. Duy t ể ch ể ng trình, n i dung tài li u ph c v h p ể i h i ể ng c ể ông, tri u t p h p ể i h i ể ng c ể ông ho c l y ý k i n ể i h i ể ng c ể ông thông qua quy t ể nh;

n. Trình báo cáo quy t ể toán tài chính hàng n m lên i h i ể ng c ể ông;

o. K i n ngh m c c t c ể c tr ; quy t ể nh th i h n và th t c tr c t c ho c s lý l ể phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. K i n ngh vi c t ể ch c l i, gi i th , yêu c u phá s n công ty;

q. Quy n và ngh a v ể khác theo quy ể nh c a lu t DN và i u l công ty;

3. H i ể ng qu n tr thông qua quy t ể nh b ng bi u quy t t i c u c h p, l y ý k i n b ng v n b n (g i tr c t i p ho c qua ể a ch email). M i thành viên H i ể ng qu n tr có m t phi u bi u quy t;

4. Khi th c h i n ch c n ng, quy n và ngh a v ể c a mình H i ể ng qu n tr tuân th ể ú ng quy ể nh c a pháp lu t , i u l công ty và ngh quy t c a i h i ể ng c ể ông. Trong tr ể ng h p ngh quy t do H i ể ng qu n tr thông qua trái v i quy ể nh c a pháp lu t ho c i u l công ty gi ả y thi t h i cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua ngh quy t ó ph i cùng liên ể i ch u trách nhi m cá nhân v ngh quy t ó và ph i n bù thi t h i cho công ty; thành viên ph n ể i thông qua ngh quy t nói trên c m i n tr trách nhi m. Trong tr ể ng h p này, c ể ông s h u c ể ph n c a công ty liên t c trong th i h n ít nh t 01 n m có quy n yêu c u H i ể ng qu n tr ể nh ch th c h i n ngh quy t nói trên.

5. Nh ng v n ể sau ể y ph i ể c H i ể ng qu n tr phê chu n:

a. Thành l p chi nhánh ho c các v n phòng ể i đ i n c a Công ty.

b. Thành l p các công ty con c a Công ty.

c. Trong ph m vi quy ể nh t i i u 149.2 c a Lu t Doanh nghi p và tr ể tr ể ng h p quy ể nh t i i u 162.1 Lu t Doanh nghi p ph i do i h i ể ng c ể ông phê chu n, H i ể ng qu n tr tùy t ể ng th i i m quy t ể nh vi c th c h i n, s a ể i và hu b ể các h p ng l n c a Công ty (bao g m các h p ể ng mua, bán, sáp nh p, thâu tóm công ty và liên doanh).

d. Ch ể nh và b ả i n h i m nh ng ng ể i ể c Công ty u ể nhi m là i đ i n th ể ng m i và Lu t s ể c a Công ty.

e. Việc vay nợ và việc thế chấp các khoản thanh toán, bảo lãnh và bồi thường của Công ty.

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác của thành lập Việt Nam hay nước ngoài.

h. Việc nhận giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu ưu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.

i. Việc công ty mua hoặc thuê lại không quá 10% mức lợi nhuận.

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quy định nên phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

k. Quy định mức giá mua hoặc thuê lại của Công ty.

6. Hội đồng quản trị phải báo cáo với Hội đồng công chứng và hồ sơ của mình, chứng minh là việc giám sát của Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong nội bộ tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Hội đồng công chứng, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ coi là không có giá trị và chấp thuận của Hội đồng quản trị thông qua.

7. Trường hợp luật pháp và điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đi diễn giải công việc thay mặt cho Công ty.

8. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đi diễn giải ủy quyền thay thế) sẽ nhận thù lao cho công việc của mình dưới cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Hội đồng công chứng quy định. Khoản thù lao này sẽ chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận.

9. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

10. Thành viên Hội đồng quản trị không được vi phạm hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thế chấp những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được bổ sung thêm tiền thù lao dựa trên mức độ công việc gắn theo từng lần, lần, hoặc hàng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

11. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán tất cả các chi phí liên quan, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thế chấp nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng công chứng.

i u 26: CH T CH, PHÓ CH T CH H I NG QU N TR

1. H i ng qu n tr ph i l a ch n trong s các thành viên H i ng qu n tr b u ra m t Ch t ch và m t Phó Ch t ch. Ch t ch H i ng qu n tr không kiêm ch c T ng giám c i u hành c a Công ty.

2. Ch t ch H i ng qu n tr có trách nhi m tri u t p và ch to i h i ng c ông và các cu c h p c a H i ng qu n tr , ng th i có nh ng quy n và trách nhi m khác quy nh t i i u l này và Lu t Doanh nghi p. Phó Ch t ch có các quy n và ngh a v nh Ch t ch trong tr ng h p c Ch t ch u quy n nh ng ch trong tr ng h p Ch t ch ã thông báo cho H i ng qu n tr r ng mình v ng m t ho c ph i v ng m t vì nh ng lý do b t kh kháng ho c m t kh n ng th c hi n nhi m v c a mình. Trong tr ng h p nêu trên Ch t ch không ch nh Phó Ch t ch hành ng nh v y, các thành viên còn l i c a H i ng qu n tr s ch nh Phó Ch t ch. Tr ng h p c Ch t ch và Phó Ch t ch t m th i không th th c hi n nhi m v c a h vì lý do nào ó, H i ng qu n tr có th b nhi m m t ng i khác trong s h th c hi n nhi m v c a Ch t ch theo nguyên t c a s quá bán.

3. Ch t ch H i ng qu n tr ph i có trách nhi m m b o vi c H i ng qu n tr g i báo cáo tài chính hàng n m, báo cáo ho t ng c a công ty, báo cáo ki m toán và báo cáo ki m tra c a H i ng qu n tr cho các c ông t i i h i ng c ông.

4. Quy n và nhi m v c a Ch t ch H QT:

- a. L p ch ng trình, k ho ch ho t ng c a H QT.
- b. Chu n b ch ng trình, n i dung, các tài li u ph c v cu c h p, tri u t p và ch t a cu c h p H QT.
- c. T ch c vi c thông qua quy t nh c a H QT d i hình th c khác.
- d. Giám sát, ch o T ng giám c và ng i qu n lý khác trong i u hành công vi c kinh doanh hàng ngày c a công ty;
- e. Ch t a h p H C .
- f. Các quy n và nhi m v khác quy nh t i i u l này và Lu t doanh nghi p.

5. Tr ng h p c Ch t ch và Phó Ch t ch H i ng qu n tr t ch c ho c b bãi mi n, H i ng qu n tr ph i b u ng i thay th trong th i h n m i ngày.

6. Ch t ch h i ng qu n tr có th b bãi mi n theo quy t nh c a h i ng qu n tr .

i u 27: CÁC CU CH P C A H I NG QU N TR

1. Tr ng h p H i ng qu n tr b u Ch t ch thì cu c h p u tiên c a nhi m k H i ng qu n tr b u Ch t ch và ra các quy t nh khác thu c th m quy n ph i c ti n hành trong th i h n b y ngày làm vi c, k t ngày k t thúc b u c H i ng qu n tr nhi m k ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ng h p có nhi u h n m t thành viên có s phi u b u cao nh t và ngang nhau thì các thành viên ã b u theo nguyên t c a s m t ng i trong s h tri u t p h p H i ng qu n tr .

2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp chậm nhất 03 ngày trước ngày họp định kỳ. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là một quý phải họp một lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nếu là thành viên Hội đồng quản trị.

Thông báo mời họp có gửi bằng bưu điện, fax, thủ điện hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo cách liên lạc với thành viên Hội đồng quản trị và có sẵn kiểm tra thông tin đó.

Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền đề xuất các cuộc họp của Hội đồng quản trị; Có quyền thoả luận nhưng không có biểu quyết.

4. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch triệu tập họp Hội đồng quản trị, không cần triệu tập trước nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các điều kiện dưới đây xảy ra và nêu trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc yêu cầu ít nhất năm cán bộ quản lý.
- b. Hai thành viên Hội đồng quản trị.
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- d. Các thành viên Ban kiểm soát.

5. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 4 điều 27 phải thực hiện hành trong thời hạn 07 ngày sau khi có yêu cầu. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp thuận triệu tập họp theo nghị quyết thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về nghị quyết đã ký và ra quyết định công ty; nhưng người nghị quyết về cuộc họp có thể họp trong Khoản 4 điều 27 có thể triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

7. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ thực hiện tại địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc nơi khác Việt Nam hoặc nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị.

8. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 03 ngày trước khi thực hiện họp, các thành viên Hội đồng có thể chỉ thông báo mời họp bằng văn bản và việc chỉ này có thể có hiệu lực hết. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải làm bằng văn bản gửi Việt và phải thông báo ý chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo tài liệu cần thiết về nghị quyết văn bản sẽ bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phụ lục cho nghị quyết thành viên Hội đồng không thể chấp.

Thông báo miệng hoặc gửi bằng bưu điện, fax, điện thoại công cộng khác, hoặc thông qua các quy định khác của thành viên Hội đồng quản trị công ty.

9. Sự thành viên tham dự thi đấu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần trăm thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua điện thoại thay thế.

Trên hợp đồng của công ty theo quy định không phải thành viên dự họp theo quy định thì cứ từ hai trong số hai mươi ngày, kể từ ngày dự họp lần tiếp theo. Trên hợp đồng này của công ty tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Biện pháp quy định.

a. Theo quy định tại Khoản 10b điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người ủy quyền trực tiếp có mặt với các cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có mặt phải tuân theo quy định;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biện pháp quy định các hợp đồng, các giao dịch hoặc xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng biểu quyết tại cuộc họp có mặt có thể thực hiện tại cuộc họp Hội đồng quản trị và theo quy định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản 10d điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến một lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên mà thành viên đó không được gì về quy định bằng sự đồng thuận về quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, nếu vấn đề phát sinh đó sẽ chuyển tới ủy ban và phân quyền của ủy ban liên quan tới các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quy định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chỉ là công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị không phải là một người quy định tại điều 33.4a và điều 33.4b của điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng.

11. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc người liên quan hoặc giao dịch đã ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bằng văn bản nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Mỗi thành viên này có thể công khai điều kiện của cuộc họp ưu tiên của Hội đồng quản trị trước khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

12. Biện pháp quy định của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị thông qua các quy định và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trên

50%. Tr ợng h ợp s ố phi ếu tán thành và ph ần ị ngang b ằng nhau, lá phi ếu ả Ch ết ch ết s ố là lá phi ếu quy ết ịnh.

13. H ợp trên ị n th ời ho ặc các hình th ực khác: Cu ộc h ợp ả H ội ịng qu ản tr ị có th ể t ừ ch ể theo hình th ực ngh ị s ố ả các thành viên ả H ội ịng qu ản tr ị khi t ừ t ừ ho ặc m ột s ố thành viên ịng nh ịng ả ị m ột khác nhau v ị ị u ị k ị n là m ột thành viên tham gia h ợp ếu có th ể :

a. Nghe t ừng thành viên H ội ịng qu ản tr ị khác cùng tham gia phát bi ếu trong cu ộc h ợp.

b. N ếu m ột n ười ó có th ể phát bi ếu v ị t ừ t ừ các thành viên tham d ự khác m ột cách ịng th ị.

Vị ể trao ịng ả các thành viên có th ể th ể hi ện m ột cách tr ể t ừ p ượt ả ị n th ời ho ặc b ằng ph ịng t ừ n ị liên ị c thông tin khác (k ể ể vị ể s ố đ ịng ph ịng t ừ n ị này đ ị n ra vào th ị ị m ột thông qua ị u ị l ị hay sau này) ho ặc là k ể th ể t ừ t ừ nh ịng ph ịng th ể này. Theo ị u ị l ị này, thành viên H ội ịng qu ản tr ị tham gia cu ộc h ợp nh ị v ị y ể coi là “có m ột” t ừ t ừ cu ộc h ợp ó. ả ị m ột cu ộc h ợp ể t ừ ch ể theo quy ịnh này là ả ị m ột mà nhóm thành viên H ội ịng qu ản tr ị ịng nh ị t ừ t ừ p ượt ị, ho ặc n ếu không có m ột nhóm nh ị v ị y, là ả ị m ột mà Ch ết ố cu ộc h ợp ị n đ ị n.

Các quy ết ịnh ể thông qua trong m ột cu ộc h ợp qua ị n th ời ể t ừ ch ể và t ừ n hành m ột cách h ợp th ể s ố hi ệ u ị c ngay khi k ể th ể thúc cu ộc h ợp nh ịng ph ị ể k ể nh ị b ằng các ch ể ký trong biên b ản ể ả t ừ t ừ thành viên H ội ịng qu ản tr ị tham d ự cu ộc h ợp này.

14. Ngh ị quy ết b ằng v ị n b ản: Ngh ị quy ết b ằng v ị n b ản ph ị có ch ể ký ể ả t ừ t ừ nh ịng thành viên H ội ịng qu ản tr ị sau ấ y:

a. Thành viên có quy ị n bi ếu quy ết v ị ngh ị quy ết t ừ t ừ cu ộc h ợp H ội ịng qu ản tr ị.

b. S ố ịng thành viên có m ột không th ể p ượt s ố ịng thành viên t ừ th ị u ị theo quy ịnh t ừ n hành h ợp H ội ịng qu ản tr ị.

Ngh ị quy ết lo ị này có hi ệ u ị c và giá tr ị nh ịng quy ết ể các thành viên H ội ịng qu ản tr ị thông qua t ừ m ột cu ộc h ợp ể t ừ u ị t ừ p ượt và t ừ ch ể theo thông ị. Ngh ị quy ết có th ể ể thông qua b ằng cách s ố đ ịng nh ị u ị b ản sao ể ả cùng m ột v ị n b ản n ếu m ột b ản sao ó có ít nh ị t ừ m ột ch ể ký ể ả thành viên.

15. Biên b ản h ợp H ội ịng qu ản tr ị: Ch ết ch ể H ội ịng qu ản tr ị có trách nh ị m ột chuy ị n biên b ản h ợp H ội ịng qu ản tr ị cho các thành viên và nh ịng biên b ản ó s ố ph ị ể xem nh ị nh ịng b ằng ch ể nh ị xác th ể v ị công vị ể ấ ể t ừ n hành trong các cu ộc h ợp ó t ừ khi có ý k ị n ph ị n ị v ị n ị đ ịng biên b ản trong th ị h ị n m ột ị ngày k ể th ể khi chuy ị n ị. Biên b ản h ợp H ội ịng qu ản tr ị ể c ị p ượt b ằng t ừ ịng V ị t ừ và ph ị có ch ể ký ể ả t ừ t ừ các thành viên H ội ịng qu ản tr ị tham d ự cu ộc h ợp.

16. Các t ừ u ị ban ể ả H ội ịng qu ản tr ị: H ội ịng qu ản tr ị có th ể thành ị p ượt và u ị quy ị n hành ịng cho các t ừ u ị ban t ừ ể thu ể. Thành viên ể ả t ừ u ị ban có th ể g ị m ột m ột ho ặc nh ị u ị thành viên ể ả H ội ịng qu ản tr ị và m ột ho ặc nh ị u ị thành viên bên ngoài theo

quy t nh c a H i ng qu n tr . Trong quá trình th c hi n quy n h n c u thác, các ti u ban ph i tuân th các quy nh mà H i ng qu n tr ra. Các quy nh này có th i u ch nh ho c cho phép k t n p thêm nh ng ng i không ph i là thành viên H i ng qu n tr vào các ti u ban nêu trên và cho phép ng i ó c quy n bi u quy t v i t cách thành viên c a ti u ban nh ng (a) ph i m b o s l ng thành viên bên ngoài ít h n m t n a t ng s thành viên c a ti u ban và (b) ngh quy t c a các ti u ban ch có hi u l c khi có a s thành viên tham d và bi u quy t t i phiên h p c a ti u ban là thành viên H i ng qu n tr .

17. Giá tr pháp lý c a hành ng: Các hành ng th c thi quy t nh c a H i ng qu n tr , ho c c a ti u ban tr c thu c H i ng qu n tr , ho c c a ng i có t cách thành viên ti u ban H i ng qu n tr s c coi là có giá tr pháp lý k c trong trong tr ng h p vi c b u, ch nh thành viên c a ti u ban ho c H i ng qu n tr có th có sai sót.

CH NG VIII

GIÁM C I U HÀNH, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY

i u 28: T CH C B MÁY QU N LÝ

Công ty s ban hành m t h th ng qu n lý mà theo ó b máy qu n lý s ch u trách nhi m và n m d i s lãnh o c a H i ng qu n tr . Công ty có m t T ng giám c , m t s Phó t ng giám c và m t K toán tr ng ho c ph trách k toán do H i ng qu n tr b nhi m. T ng giám c i u hành và các Phó t ng giám c i u hành có th ng th i là thành viên H i ng qu n tr ho c thuê ng i khác làm T ng giám c, và c H i ng qu n tr b nhi m ho c bãi mi n b ng m t ngh quy t c thông qua m t cách h p th c.

i u 29: CÁN B QU N LÝ

1. Theo ngh c a T ng giám c và c s ch p thu n c a H i ng qu n tr , Công ty c s d ng s l ng và lo i cán b qu n lý c n thi t ho c phù h p v i c c u và thông l qu n lý công ty do H i ng qu n tr xu t tu t ng th i i m. Cán b qu n lý ph i có s m n cán c n thi t các ho t ng và t ch c c a Công ty t c các m c tiêu ra.

2. M c l ng, ti n thù lao, l i ích và các i u kho n khác trong h p ng lao ng i v i T ng giám c i u hành s do H i ng qu n tr quy t nh và h p ng v i nh ng cán b qu n lý khác s do H i ng qu n tr quy t nh sau khi tham kh o ý ki n c a T ng giám c i u hành.

3. Ngh a v c a ng i qu n lý công ty:

H i ng qu n tr , T ng giám c và các cán b qu n lý khác c a Công ty trong ph m vi trách nhi m và quy n h n c a mình có các ngh a v sau ây:

a. Thể hiện các quy định và nhiệm vụ giao dịch cách trung thực, minh bạch vì lợi ích của Công ty và cộng đồng của Công ty.

b. Không chiếm dụng tài sản và quy định, sử dụng tài sản của Công ty thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác. Không chiếm dụng tài sản của Công ty cho người khác. Không chiếm dụng bí mật của Công ty, trừ trường hợp các HĐQT chấp thuận.

c. Khi Công ty không thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác thì:

- Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết.

- Không chiếm dụng tiền lương, không chiếm dụng tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cho người quen lý.

- Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra về việc chiếm dụng do không thể hiện nghĩa vụ quy định tại các điều 1 và 2 khoản này.

- Khi nhận bất kỳ pháp luật nào về tài chính của Công ty.

d. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và điều lệ này quy định.

ĐIỀU 30: B NHIỆM, MI N NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUY ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC HI HÀNH

1. Nhiệm vụ: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị khác làm Tổng giám đốc điều hành và ký hợp đồng quy định nhiệm vụ, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến vị trí tuyển dụng. Thông tin về nhiệm vụ, trách nhiệm, quy định của Giám đốc điều hành phải được báo cáo trong báo cáo hàng năm và nêu trong báo cáo hàng năm của Công ty.

2. Nhiệm vụ: Nhiệm vụ của Tổng giám đốc điều hành không quá 05 năm kể từ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể tái bổ nhiệm với nhiệm vụ không hạn chế. Vị trí bổ nhiệm có thể hết hiệu lực của các quy định hiện hành lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép làm việc ngoài phạm vi chức vụ này, tức là không được làm thành viên, người không làm việc hành vi, người lãnh đạo, người đứng đầu hành hình pháp lý, nhân viên làm việc trong, các cán bộ công nhân viên và người lãnh đạo pháp lý là nhân viên của công ty mà họ đang lãnh đạo trực tiếp pháp lý.

3. Quy định và nhiệm vụ: Tổng giám đốc điều hành có những quy định và trách nhiệm sau:

a. Thể hiện các quy định của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch của Công ty trước Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị thông qua.

b. Quy định tất cả các vấn đề không nên phê duyệt quy định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay đổi công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, Thuế và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo luật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê. Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động công nghệ các cấp quản lý tốt do Hội đồng quản trị xuất, và tận dụng Hội đồng quản trị quy trình nhân công, thù lao, các lợi ích và các điều kiện khác của hợp đồng lao động của các quản lý.

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị quy trình số lượng người lao động, mức lương, trách nhiệm, lợi ích, vị trí bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều kiện khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.

e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc điều hành trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở áp dụng các yêu cầu của ngân sách phù hợp công nghệ kế hoạch tài chính năm nay.

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm của hội đồng công và Hội đồng quản trị thông qua.

g. Xuất nhúng biên pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

h. Chuẩn bị các báo cáo dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là báo cáo dài hạn) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Báo cáo dài hạn hàng năm (bao gồm các báo cáo kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ định kỳ) cho từng năm tài chính sẽ trình Hội đồng quản trị thông qua và phê duyệt báo cáo những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của luật này và các quy chế của Công ty, các quy định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các công đồng: Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trình Hội đồng quản trị và hội đồng công về vị trí thực hiện nhiệm vụ và quy trình giao và phê duyệt báo cáo các công đồng này khi cần yêu cầu.

Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trình lên biên quy định tán thành (trong trường hợp này không tính biên quy định của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm mới Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản biện về việc bãi nhiệm này tại hội đồng công tiếp theo gần nhất.

6. Tổng giám đốc điều hành Công ty phải có các điều kiện sau:

a. Là công dân nhân sự ít nhất 5% tổng số phần trăm thông tin công nghệ khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, ngành kinh doanh chủ yếu của công ty.

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty.

c. Có kiến thức về kinh tế - khoa học - kỹ thuật. Có kinh nghiệm làm công tác quản lý Công ty từ 3 năm trở lên, có hiểu biết pháp luật.

d. Không thuộc các điều kiện quy định tại Điều 18.2 Luật doanh nghiệp.

7. Quy định, yêu cầu:

a. Tổng giám đốc Công ty có thể ủy nhiệm cho các Phó tổng giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giám sát quy trình sản xuất công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước sự quy định của mình.

b. Người Tổng Giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và pháp luật về những công việc mình làm.

c. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu phải thể hiện bằng văn bản.

d. Các cán bộ quản lý phòng, ban trong Công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho nhân viên cấp dưới của mình.

ĐIỀU 31: THỰC KÝ CÔNG TY

Người quản trị sẽ nhận nhiệm vụ làm Thực ký Công ty với nhiệm vụ và trách nhiệm sau đây theo quy định của Hội đồng quản trị. Người quản trị có thể bãi nhiệm Thực ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Người quản trị cũng có thể bãi nhiệm một hay nhiều Thực ký Công ty tùy tình hình. Vai trò và nhiệm vụ của Thực ký Công ty bao gồm:

1. Thực hiện các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ đạo công việc theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

2. Làm biên bản các cuộc họp.

3. Thực hiện việc thực hiện các cuộc họp.

4. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thực ký công ty có trách nhiệm báo cáo thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

ĐIỀU 32: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý của công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kết hợp với nhiệm vụ với cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo pháp luật mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và vì lợi ích của công nhân viên mà mình đang điều hành. Công ty có thể miễn nhiệm vị trí công việc và trong hoàn cảnh nhất định.

Điểm 33: TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT QUY ĐỊNH

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; những thì không được sử dụng những thông tin có tính chất độc quyền của mình để lợi ích cá nhân hay phục vụ lợi ích cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể nhận được thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những gì được nêu trên chỉ là sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quy định không truy cập vào đây.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi những người này có quy định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến hoặc công ty, là tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa vì những mối quan hệ này, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý đó có một hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phi vụ của họ tính khi bị quy định về mục đích đó, nếu:

a. Giá trị hợp đồng có giá trị tối đa là 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yêu cầu quản trị về hợp đồng hoặc giao dịch của những mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Những thì, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng sự phi vụ tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Giá trị những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yêu cầu quản trị về hợp đồng hoặc giao dịch này của những mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các công đồng không có lợi ích liên quan có quy định về quy định vào đó, và những công đồng đó đã phi vụ tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mối phi vụ liên quan đến các công đồng của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này của Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các công đồng cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các chứng khoán của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có chứng thông tin chính thức gây nhúng nhối giá của chứng khoán và các công cụ khác nếu không biết nội dung thông tin này.

Điều 34: TRÁCH NHIỆM VỚI THỊ TRƯỜNG VÀ BỐI TRƯỜNG

1. Trách nhiệm với thị trường: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc và cán bộ quản lý viên phạm pháp, không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi phạm pháp của mình gây ra.

2. Bối cảnh: Công ty sẽ bị thiệt hại cho những người, hàng và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện tụng, kiện, khởi kiện, hàng hoặc có thể sẽ bị kiện hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là vụ kiện tụng do Công ty khởi kiện hay theo quy định của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, công nhân viên hoặc là đại diện của Công ty (hay Công ty con của Công ty) ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện của một Công ty, tác tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí của bối cảnh bao gồm: Các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc coi là mức hợp lý khi ghi quyết định về vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, minh bạch và vì lợi ích chuyên môn theo pháp luật mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chỉ vì lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó tránh những trách nhiệm bối cảnh nêu trên.

CHƯƠNG X

BAN KIỂM SOÁT

Điều 35: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải bổ sung thành viên là công nhân của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty).

Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Trụ sở chính của Ban kiểm soát và hoạt động với cách là Trưởng ban kiểm soát.

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát.

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trình lên Hội đồng.

2. Công nhân giảm thiểu 5% số phần có quy định pháp luật quy định về quy tắc hoạt động nội bộ của các ngân hàng BKS. Công nhân nhóm công nhân giảm 5% số đến 10% số phần có quy định pháp luật trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng của mỗi thành viên; từ 10% số đến 30% số của hai thành viên; từ 30% số đến 50% số của ba thành viên; từ 50% số đến 65% số của bốn thành viên và vượt 65% trở lên của số ngân hàng.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Hội đồng bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Điều kiện của thành viên BKS:

a. Công nhân là thành nhân, pháp nhân có năm giảm thiểu số phần có quy định pháp luật trong thời hạn liên tục 6 tháng trở lên. Không hạn chế số lượng phần.

b. Có trình độ học vấn, có am hiểu về tài chính, quản lý sản xuất, kinh doanh và thị trường thị trường ít nhất 05 năm trở lên.

c. Có sổ sách, có phạm vi hoạt động, trung thực, liên lạc, có hiểu biết pháp luật.

d. Không có các chức vụ quản lý công ty; Không nhất thiết phải là công nhân hoặc người lao động của công ty.

Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.

e. Mỗi công nhân có thể tham gia BKS nhiều nhiệm kỳ liên tục hoặc gián đoạn không hạn chế số lần.

5. Thành viên Ban kiểm soát không còn cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên có bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát.

b. Thành viên có bị cấm công việc văn bản thông báo công nhân trực tiếp chính cho Công ty.

c. Thành viên có bị rơi vào tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng minh rằng họ không còn năng lực hành vi.

d. Thành viên có vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên vắng mặt và đã phân quyền cho các thành viên khác trong ngày bầu cử.

e. Thành viên có bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Hội đồng.

i u 36: BAN KI M SOÁT

1. Công ty ph i có Ban ki m soát và Ban ki m soát s có quy n h n và trách nhi m theo quy nh t i i u 165 c a Lu t Doanh nghi p và i u l này, ch y u là nh ng quy n h n và trách nhi m sau ây:

- a. Xu t l a ch n Công ty ki m toán c l p, m c phí ki m toán và m i v n liên quan n s rút lui hay bãi nhi m c a công ty ki m toán c l p.
- b. Th o lu n v i ki m toán viên c l p v tính ch t và ph m vi ki m toán tr c khi b t u vi c ki m toán.
- c. Xin ý ki n t v n chuyên nghi p c l p ho c t v n v pháp lý và m b o s tham gia c a nh ng chuyên gia bên ngoài công ty v i kinh nghi m trình chuyên môn phù h p vào công vi c c a công ty n u th y c n thi t.
- d. Ki m tra các báo cáo tài chính hàng n m, sáu tháng và hàng quý tr c khi trình H i ng qu n tr .
- e. Th o lu n v nh ng v n khó kh n và t n t i phát hi n t các k t qu ki m toán gi a k ho c cu i k c ng nh m i v n mà ki m toán viên c l p mu n bàn b c.
- f. Xem xét th qu n lý c a ki m toán viên c l p và ý ki n ph n h i c a ban qu n lý công ty.
- g. Xem xét báo cáo c a công ty v các h th ng ki m soát n i b tr c khi H i ng qu n tr ch p thu n;
- h. Xem xét nh ng k t qu i u tra n i b và ý ki n ph n h i c a ban qu n lý.

2. Thành viên c a H i ng qu n tr , T ng giám c i u hành và cán b qu n lý ph i cung c p t t c các thông tin và tài li u liên quan n ho t ng c a Công ty theo yêu c u c a Ban ki m soát. Th ký Công ty ph i b o m r ng toàn b b n sao ch p các thông tin tài chính, các thông tin khác cung c p cho các thành viên H i ng qu n tr và b n sao các biên b n h p H i ng qu n tr s ph i c cung c p cho thành viên Ban ki m soát vào cùng th i i m chúng c cung c p cho H i ng qu n tr .

3. Sau khi ã tham kh o ý ki n c a H i ng qu n tr , Ban ki m soát có th ban hành các quy nh v các cu c h p c a Ban ki m soát và cách th c ho t ng c a Ban ki m soát. Ban ki m soát ph i h p t i thi u hai l n m t n m và s l ng thành viên tham gia các cu c h p t i thi u là 02 ng i.

4. Quy n c cung c p thông tin c a Ban ki m soát:

- a. H i ng qu n tr , thành viên H QT, Giám c Công ty, các cán b qu n lý khác ph i cung c p y và k p th i thông tin, tài li u v ho t ng s n xu t kinh doanh c a Công ty theo yêu c u c a BKS.
- b. Ban ki m soát, thành viên BKS không c ti t l bí m t c a Công ty.
- c. Ban ki m soát ch u trách nhi m tr c H C v nh ng sai ph m gây thi t h i cho Công ty trong khi th c hi n nhi m v

5. Tổng m c thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát theo quy t nh c a i h i ng c ông. Thành viên c a Ban kiểm soát c ng s c thanh toán các kho n chi phí i l i, khách s n và các chi phí phát sinh m t cách h p lý khi h tham gia các cu c h p c a Ban kiểm soát ho c liên quan n ho t ng kinh doanh c a Công ty.

CH NG XI QUY N I UTRAS SÁCH VÀ H S CÔNG TY

Đ i u 37: QUY N I UTRAS SÁCH VÀ H S

1. Công ho c nhóm c ông c p trong 24.4 và đ i u 35.2 c a Đ i u l này có quy n tr c t i p ho c qua lu t s ho c ng i c u quy n, g i v n b n yêu c u c kiểm tra trong gi làm vi c và t i a i m kinh doanh chính c a công ty danh sách c ông, các biên b n c a i h i ng c ông. Yêu c u kiểm tra do phía lu t s i đi n ho c i đi n c u quy n khác c a c ông ph i kèm theo gi y u quy n c a c ông mà ng i ó i đi n ho c m t b n sao công ch ng c a gi y u quy n này.

2. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám Đ i u hành và cán b qu n lý có quy n kiểm tra s ng ký c ông c a Công ty, danh sách c ông và nh ng s sách và h s khác c a Công ty vì nh ng m c ích liên quan t i ch c v c a mình v i i u ki n các thông tin này ph i c b o m t.

3. Công ty s ph i Đ i u l này và nh ng b n s a i b sung Đ i u l , Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, các quy ch , các tài li u ch ng minh quy n s h u tài s n, biên b n h p i h i ng c ông và H i ng qu n tr , các báo cáo c a Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng n m, s sách k toán và b t c gi y t nào khác theo quy nh c a pháp lu t t i tr s chính ho c m t n i khác v i i u ki n là các c ông và c quan ng ký kinh doanh c thông báo v a i m l u tr các gi y t này.

4. Công có quy n c Công ty c p m t b n Đ i u l công ty m i n phí. Tr ng h p công ty có website riêng, Đ i u l này ph i c công b trên website ó.

5. Công ty ph i l u gi các tài li u sau ây:

a. Đ i u l Công ty; s a i, b sung Đ i u l Công ty; Quy ch qu n lý n i b c a Công ty; s ng ký c ông.

b. Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh; gi y ch ng nh n thay Đ i ng ký kinh doanh; gi y ch ng nh n quy n s h u công nghi p; gi y ch ng nh n ng ký ch t l ng s n ph m.

c. Các tài li u và gi y t xác nh n quy n s h u tài s n c a Công ty.

d. Biên b n h p H C , H QT, các quy t nh ã c thông qua.

e. B n cáo b ch phát hành ch ng khoán.

f. Báo cáo c a BKS, k t lu n c a c quan thanh tra, k t lu n c a t ch c kiểm toán c l p.

- g. S k toán, ch ng t k toán, báo cáo tài chính hàng n m.
- h. Các lo i tài li u khác theo quy nh c a pháp lu t.
- i. Công ty l u gi các tài li u quy nh i u này t i tr s chính c a Công ty, và th i h n l u gi theo quy nh c a pháp lu t.

CH NG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN

Đ i u 38: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN

T ng giám c i u hành ph i l p k ho ch H i ng qu n tr thông qua các v n liên quan n vi c t u y n d ng lao ng, t i n l ng, b o hi m xã h i, phúc l i, khen th ng và k lu t i v i cán b qu n lý và ng i lao ng c ng nh nh ng m i quan h c a Công ty v i t ch c công oàn c công nh n theo các chu n m c, thông l và chính sách qu n lý t t nh t, nh ng thông l và chính sách quy nh t i i u l này, các quy ch c a Công ty và quy nh pháp lu t hi n hành.

CH NG XIII PHÂN CHIA L I NHU N

Đ i u 39: C T C

1. Theo quy t nh c a i h i ng c ông và theo quy nh c a pháp lu t, c t c s c công b và chi tr t l i nhu ng i l i c a Công ty nh ng không c v t quá m c do H i ng qu n tr xu t sau khi ã tham kh o ý k i n c ông t i i h i ng c ông.

2. Theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, H i ng qu n tr có th quy t nh thanh toán c t c gi a k n u xét th y vi c chi tr này phù h p v i kh n ng sinh l i c a công ty.

3. Công ty không tr l i cho kho n t i n tr c t c hay kho n t i n chi tr liên quan t i m t lo i c phi u.

4. Tr ng h p c t c hay nh ng kho n t i n khác liên quan t i m t lo i c phi u c chi tr b ng t i n m t, Công ty s ph i chi tr b ng t i n ng Vi t Nam và có th thanh toán b ng séc ho c l nh tr t i ng i qua b u i n t i a ch ã ng ký c a c ông th h ng và tr ng h p có r i ro phát sinh (t a ch ã ng ký c a c ông) thì c ông ó ph i ch u. Ngoài ra, các kho n t i n tr c t c ho c các kho n t i n khác c chi tr b ng t i n m t liên quan t i m t lo i c phi u có th c chi tr b ng chuy n kho n ngân hàng khi Công ty ã có thông tin chi ti t v ngân hàng c a c ông nh m cho phép Công ty th c hi n c vi c chuy n kho n tr c t i p vào tài kho n ngân hàng c a c ông. Tr ng h p Công ty ã chuy n kho n theo úng các thông tin chi ti t v ngân hàng do c ông cung c p mà c ông ó không nh n c t i n, Công ty không ph i ch u trách nhi m v kho n t i n Công ty chuy n cho c ông th h ng. Vi c thanh toán c t c i v i các c phi u niêm y t t i S Giao d ch Ch ng khoán/ Trung tâm Giao d ch Ch ng khoán có th c t i n hành thông qua công ty ch ng khoán ho c Trung tâm L u ký.

5. Hội đồng quản trị có thể quy định và thông báo riêng nội dung nghiệp vụ thuộc phần thông tin bổ sung về các thành viên của Hội đồng quản trị thay cho các thành viên thông tin mới. Các thành viên bổ sung trong đợt này cũng là những thành viên đã thanh toán nghiệp vụ mua trên cơ sở giá trị của các thành viên trong đợt này nghiệp vụ thông tin mới trong đợt này.

6. Công ty Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định những ngày chốt làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty theo ngày đó, nghiệp vụ nghiệp vụ ký viết cách công bố nghiệp vụ thuộc các chương khoản khác về quy định về nợ, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nghiệp vụ phi thuế, nghiệp vụ thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quy định đó có hiệu lực. Nghiệp vụ này không nghiệp vụ nghiệp vụ của hai bên trong giao dịch chuyển nghiệp vụ phi thuế hoặc chương khoản liên quan.

Các thành viên thanh toán nghiệp vụ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chốt nghiệp vụ thông qua.

Công ty chấp hành các quy định của pháp luật khi có các điều kiện sau:

a. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

b. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

c. Ngay sau khi trả thuế các năm, công ty vẫn bố trí thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác của mình.

ĐIỀU 40: CÁC VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận có thể hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUẢN LÝ, NỘI DUNG TÀI CHÍNH VÀ HỒ SƠ KẾ TOÁN

ĐIỀU 41: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

1. Công ty sử dụng tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận của các quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sử dụng tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tại Việt Nam hoặc quốc tế tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

ĐIỀU 42: QUẢN LÝ BỔ SUNG VÀ ĐIỀU LỆ

Hàng năm, Công ty sẽ trích lập lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không

vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và trích cho nhân khi quyết định bằng 10% vốn của Công ty.

Điều 43: N M TÀI KHOẢN

N m tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. N m tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với ngành nghề, ngành kinh doanh có ưu tiên) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 44: H TH NG K TOÁN

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác của Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sử dụng hệ thống kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hệ số này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải chứng minh và ghi trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng tiếng Việt Nam làm đơn vị tính dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 45: BÁO CÁO HÀNG NĂM, SÁU THÁNG VÀ HÀNG QUÝ

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phi tài chính theo quy định tại Điều 47 của Luật này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã công bố thông tin cho cơ quan thẩm định quy định, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình tài sản và nợ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho năm thì phải lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

4. Bên tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm mà các kế toán phải công bố tất cả các công nợ và các công bố trên nhật báo của báo kinh tế trung ương trong vòng ba tháng liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính các kế toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải công bố trên website đó.

5. Các thành viên, cá nhân quan tâm sử dụng quy định kiểm tra hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm mà các kế toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giấy làm việc của Công ty, tài trợ chính của Công ty và phải trả một phần phí hợp lý cho việc sao chép.

ĐIỀU 46: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế thu nhập và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

ĐIỀU 47: KIỂM TOÁN

1. Hàng năm Hội đồng quản trị sẽ chọn một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện tho thu của Hội đồng quản trị.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thành viên của các kiểm toán cho Công ty phải Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải gửi kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thành viên của kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp hội đồng công nợ và các quy định khác các thông báo và các thông tin khác liên quan đến hội đồng công nợ mà các công nợ quy định và các phát biểu ý kiến từ hội đồng công nợ có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII

COND U

Điều 48: COND U

1. Hội đồng quản trị sẽ quy định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu khác theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm hành sự và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII

CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT VÀ THANH LÝ

Điều 49: CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b. Giải thể trực tiếp theo quy định của Điều lệ Công ty;
- c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Vì các giải thể Công ty do Điều lệ Công ty quy định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quy định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) theo quy định.

Điều 50: TRƯỜNG HỢP BẤT CẬP CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ COUNCIL

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các công nhân viên làm việc phi thường làm việc có quy định quy định trong bộ chế thành viên Hội đồng quản trị có quy định khi cần thiết yêu cầu giải thể theo một hoặc một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không tham gia trong quản lý các công việc của Công ty đến tình trạng không thể tiếp tục phi thường thi hành theo quy định Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các công nhân viên không tham gia nên không thể tiếp tục phi thường thi hành theo quy định hiện hành của thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh công nhân chia rẽ khi cần cho việc giải thể là pháp án có lợi ích cho toàn thể công nhân.

Điều 51: THANH LÝ

1. Trong sáu tháng kể từ khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quy định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Điều lệ Công ty chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chịu trách nhiệm các quy định hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể làm việc trong

nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý của Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho các quan chức kinh doanh và ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kết thúc nhiệm vụ, Ban thanh lý của Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tài sản thuộc về thanh lý của Công ty thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý.
- b. Tiền lương và chi phí bồi đắp cho công nhân viên.
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có).
- e. Các khoản khác của Công ty.
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ nêu trên (a) và (e) trên đây sẽ được phân chia cho các công đồng. Các công đồng ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

1. Tranh chấp phát sinh tranh chấp hay khi xảy ra liên quan tới hoạt động của Công ty hay từ quy định của các công đồng phát sinh từ nội bộ hay từ bất cứ quy định hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, gọi là:

- a. Công việc Công ty; hoặc
- b. Công việc Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc nội bộ hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là trọng tài giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu người đi kiện pháp luật của công ty chọn một chuyên gia độc lập hành động với cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không thể quy định hòa giải trong vòng sáu tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quy định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ chịu chi phí của mình có liên quan tới tất cả thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX

B SỬ DỤNG VÀ SỬ DỤNG

Điều 53: B SỬ DỤNG VÀ SỬ DỤNG

1. Vì bản sử dụng, sử dụng này phải có hiệu lực công đồng xem xét quy định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa có quy định trong bản sử dụng này hoặc trong trường hợp có những quy định mà pháp luật khác với những quy định trong sử dụng này thì những quy định của pháp luật có hiệu lực áp dụng và ưu tiên hơn hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54: NGÀY HIỆU LỰC

1. Bản sử dụng này gồm 21 chương 54 điều, có hiệu lực công đồng thành niên Công ty cổ phần Nội Hời Việt Nam nhất trí thông qua ngày 21 tháng 05 năm 2016 tại hội đồng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của sử dụng này.
2. Sử dụng có hiệu lực thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước địa phương.
 - b. 05 bản ký tịch quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.
 - c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
 - d. Sử dụng này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục sử dụng Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc đại diện hai thành viên Hội đồng quản trị có giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI HỜI VIỆT NAM
NGHỊ ĐỊNH THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Ngọc Trí